

Bản án số: 728/2022/HC-PT

Ngày 06 - 9 - 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà
nước về xây dựng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 262/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về xây dựng*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1281/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1625/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 01/01 đường Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc X, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: số 56/1, đường H, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 29/3/2021 tại Văn phòng Công chứng Trương Anh, số công chứng 2022, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: số 41, đường T1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình S, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H1, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: số 41, đường T1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H1, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 01/01, đường Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện trình bày:

Ngày 30-7-2018 bà Vũ Thị T được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện D cấp Giấy phép xây dựng số 186/GPXD để làm nhà ở với diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt) là 67,5m². Sau đó bà T được UBND huyện D cho điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 13-9-2018 với diện tích tầng 1 là 79.9m². Tháng 9-2018 gia đình bà T đã tiến hành làm nhà trên thửa 170, tờ bản đồ số 25 thị trấn D do vợ chồng bà T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số BS 734919 do UBND huyện D cấp ngày 23-4-2014.

Tuy nhiên, do chủ quan nên vợ chồng ông N, bà T xây dựng nhà ở diện tích 05m x 18,2m = 91m², vượt quá 11,10m² so với Giấy phép xây dựng được cấp. Tuy nhiên, toàn bộ diện tích xây dựng sai phép nói trên đều nằm trong phần đất thửa 43, tờ bản đồ 25, thị trấn D của gia đình bà đã được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số BL 215414 ngày 11-6-2013, không vi phạm chỉ giới xây dựng, không gây ảnh hưởng các công trình lân cận, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch xây dựng.

Sau khi căn nhà đã xây xong và đưa vào sử dụng 02 năm, ngày 15-5-2020 cán bộ UBND thị trấn D tới lập Biên bản vi phạm hành chính. Ngày 20-5-2020, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1648/QĐ-XPVPHC đối với gia đình bà T với nội dung: Phạt tiền 15.000.000

đồng và buộc tháo dỡ phần công trình nhà ở sai nội dung giấy phép được cấp. Gia đình bà T đã nộp phạt số tiền 15.000.000 đồng vào kho bạc Nhà nước. Riêng nội dung buộc tháo dỡ phần công trình nhà ở sai với giấy phép được cấp là 11,10m² thì gia đình bà T đã nhiều lần làm đơn gửi các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, cho phép được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép, nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh giấy phép xây dựng, không phải tháo dỡ. Lý do là vì nếu tháo dỡ phần xây dựng sai phép sẽ làm sụp đổ toàn bộ căn nhà vì đây là phần hàng cột bê tông cốt thép chạy dọc căn nhà. Mặt khác, gia đình bà T hiện nay kinh tế khó khăn, nếu phá dỡ toàn bộ công trình thì thiệt hại quá lớn, không thể nào bù đắp được. Trong khi đó, phần diện tích vi phạm nằm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà T, không vi phạm chỉ giới xây dựng, không gây ảnh hưởng các công trình lân cận, không ảnh hưởng đến cảnh quan, phù hợp với quy hoạch xây dựng.

Ngày 20-8-2020, UBND huyện D ban hành Văn bản số 1764/UBND-TD có nội dung không giải quyết đơn của bà T. Ngày 31-12-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 4848/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị. Ngày 23-3-2021, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 686/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 của Chủ tịch UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính;
- Hủy Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị;
- Hủy Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;
- Xem xét giải quyết cho phép bà T được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là 11,10m²; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo ý kiến của đại diện người bị kiện UBND huyện D và Chủ tịch UBND huyện D trình bày:

UBND thị trấn D kiểm tra, phát hiện sai phạm tiến hành lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp (đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị) áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, công trình nhà ở bà T đã đưa vào sử dụng được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017. Căn cứ các quy định trên UBND thị trấn D tiến hành lập biên bản xử

lý vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 15-5-2020 được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng, kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; phạt tiền 15.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình sai phép.

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo thời gian ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản xử phạt ngày 15-5-2020 theo điểm 1 khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20-6-2012; đúng mẫu số 03 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 hướng dẫn Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ.

Sau khi ban hành quyết định xử phạt, ngày 20-5-2020 bà T đã chấp hành nộp phạt số tiền 15.000.000 đồng tại kho bạc nhà nước huyện D, đối với việc tháo dỡ bà T không chấp hành và có đơn đề nghị ngày 25-5-2020, đơn kiến nghị ngày 28-6-2020, đơn đề nghị ngày 16-11-2020. Phòng Kinh tế và Hạ tầng tham mưu UBND huyện D tại Báo cáo số 88/BC-KT&HT ngày 23-6-2020 và Báo cáo số 116/BC-KT&HT ngày 30-7-2020. Trên cơ sở đó, UBND huyện ban hành Văn bản số 1764/UBND-TD về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị T nội dung như sau: Phần công trình xây dựng phải được tháo dỡ theo phương án, giải pháp tháo dỡ được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 của Bộ Xây dựng; việc cho phép tồn tại là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 101 Luật Xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện D tham mưu đề Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị; lý do thu hồi: chủ đầu tư không khắc phục việc xây dựng sai với giấy phép xây dựng trong thời hạn ghi trong văn bản xử lý vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 của UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính – áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình sai phép.

Sau khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, UBND thị trấn D và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện D đã nhiều lần làm công tác vận động, tuyên truyền, thuyết phục, giải thích quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư vi phạm (bà Vũ Thị T) nhưng gia đình bà T không chấp hành. Căn cứ Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND huyện D đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung bà T đề nghị cho phép bà được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là 11,10m²; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, UBND huyện D đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N là chồng bà T và thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng*” đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 của Chủ tịch UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính;

- Hủy Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị;

- Hủy Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Xem xét giải quyết cho phép bà T được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là 11,10m²; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/12/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T ghi ngày 27/12/2021 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông X đại diện cho bà Vũ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bà T hợp lệ về hình thức. Xét kháng cáo bà T: Bà Vũ

Thị T được UBND huyện D cấp Giấy phép xây dựng số 186/GPXD ngày 30-7-2018 để làm nhà ở với diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt) là $67,5m^2$. Sau đó bà T được UBND huyện D cho điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 13-9-2018 với diện tích tầng 1 là $79,9m^2$. Tuy nhiên, thực tế ông N, bà T xây dựng nhà ở diện tích $05m \times 18,2m = 91m^2$, vượt quá $11,10m^2$ so với Giấy phép xây dựng được cấp. Bà T xây dựng sai nội dung giấy phép. Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 về xử phạt vi phạm hành chính với nội dung: phạt tiền 15.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình sai phép là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 là không có cơ sở.

Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị; lý do thu hồi: chủ đầu tư không khắc phục việc xây dựng sai với giấy phép xây dựng trong thời hạn ghi trong văn bản xử lý vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời, Chủ tịch UBND huyện D đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND huyện D và Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 của Chủ tịch UBND huyện D là không có cơ sở.

Yêu cầu xem xét giải quyết cho phép bà T được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là $11,10m^2$; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Sau khi nhận được Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC, bà T chấp hành nộp số tiền phạt 15.000.000 đồng và có các đơn đề nghị ngày 25-5-2020, đơn kiến nghị ngày 28-6-2020, đơn đề nghị ngày 16-11-2020 đề nghị cho tồn tại công trình. Ngày 20-8-2020, UBND huyện D đã ban hành Văn bản số 1764/UBND-TD về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị T nội dung không chấp nhận đơn đề nghị của bà T là đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 của Bộ Xây dựng. Do đó, kháng cáo về yêu cầu này của bà T cũng không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 29-3-2021, bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy các Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 của Chủ tịch UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị; Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; yêu cầu giải quyết cho phép bà T được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là 11,10m²; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã được UBND huyện D giải quyết theo Công văn 1764/UBND-TD ngày 20-8-2020 về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị T.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị kiện: đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Điều 101, 103 Luật Xây dựng và tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 của Bộ Xây dựng và Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 33 Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Bà Vũ Thị T được UBND huyện D cấp Giấy phép xây dựng số 186/GPXD ngày 30-7-2018 để làm nhà ở với diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt) là 67,5m². Sau đó bà T được UBND huyện D cho điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 13-9-2018 với diện tích tầng 1 là 79,9m². Tuy nhiên, thực tế ông N, bà T xây dựng nhà ở diện tích 05m x 18,2m = 91m², vượt quá 11,10m² so với Giấy phép xây dựng được cấp.

[2.2.2] Theo điểm a khoản 4 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ

thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở và theo Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP thì mức phạt tiền 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trên của bà Vũ Thị T và thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện D là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 15-5-2020 tại phần ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm do bà T ông N trình bày có nội dung: “Thời gian công trình hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 19-11-2018” nên không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 12 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 của Bộ Xây dựng.

[2.3] Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 về xử phạt vi phạm hành chính với nội dung: phạt tiền 15.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình sai phép là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC, bà T chấp hành nộp số tiền phạt 15.000.000 đồng và có các đơn đề nghị ngày 25-5-2020, đơn kiến nghị ngày 28-6-2020, đơn đề nghị ngày 16-11-2020 đề nghị cho tồn tại công trình. Ngày 20-8-2020, UBND huyện D đã ban hành Văn bản số 1764/UBND-TD về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị T nội dung không chấp nhận đơn đề nghị của bà T là đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2018 của Bộ Xây dựng. Do đó, yêu cầu của bà T đề nghị xem xét giải quyết cho phép bà T được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là 11,10m²; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ là không có căn cứ vì không phù hợp với pháp luật quy định.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 101 Luật Xây dựng, UBND huyện D ban hành Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị; lý do thu hồi: chủ đầu tư không khắc phục việc xây dựng sai với giấy phép xây dựng trong thời hạn ghi trong văn bản xử lý vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình sai phép; đồng thời, Chủ tịch UBND huyện D đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Các nội dung khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Bà T kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T,

giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 hướng dẫn Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng*” đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1648/QĐ-XPVPHC ngày 20-5-2020 của Chủ tịch UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính;

- Hủy Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị;

- Hủy Quyết định số 686/QĐ-CCXP ngày 23-3-2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Xem xét giải quyết cho phép bà T được nộp 40% giá trị phần xây dựng sai phép là 11,10m²; nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích xây dựng sai phép; điều chỉnh giấy phép xây dựng và không bị tháo dỡ đối với phần diện tích xây dựng sai phép theo khoản 2, 3 Điều 39 Nghị định số 139/2017/NĐ-

CP ngày 27-11-2017 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Vũ Thị T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 4.205.000 đồng (Bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng), bà Vũ Thị T đã nộp và được quyết toán xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005581 ngày 06-4-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008819 ngày 07/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu (An - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương